

Số: 957/QĐ-UBND

Hương Sơn, ngày 16 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
6 tháng đầu năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho UBND các xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Hương Sơn về việc Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này):

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nam*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Tĩnh;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể xã;
- Thôn trưởng các thôn;
- Lưu: VP, TC. *Th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Thái Sơn

Phụ lục: 01
THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026
(Kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 16/7/2026 của UBND xã Hương Sơn)

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách

Tổng thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026 thực hiện 146.234,04 triệu đồng, đạt 49,05% dự toán năm. Trong đó, các khoản thu xã hưởng 100% thực hiện 1.260,52 triệu đồng; các khoản thu phân chia theo tỷ lệ thực hiện 21.226,61 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 98.000,00 triệu đồng, đạt 44,31% dự toán; thu chuyển nguồn 25.746,91 triệu đồng.

Một số khoản thu chủ yếu gồm: thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 4.106,24 triệu đồng; lệ phí trước bạ 3.489,65 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất 13.350,26 triệu đồng và các khoản thu khác.

Nhìn chung, công tác quản lý, tổ chức thực hiện thu ngân sách được triển khai theo dự toán; các khoản thu được theo dõi, đôn đốc thực hiện, góp phần bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ ngân sách xã.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách

Tổng chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026 thực hiện 113.147,15 triệu đồng, đạt 37,95% dự toán năm. Trong đó, chi đầu tư phát triển thực hiện 8.313,68 triệu đồng, đạt 13,58% dự toán; chi thường xuyên thực hiện 104.833,47 triệu đồng, đạt 45,07% dự toán; dự phòng ngân sách chưa sử dụng.

Chi ngân sách cơ bản bảo đảm các nhiệm vụ được giao, tập trung cho giáo dục, hoạt động của cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể, công tác xã hội, quốc phòng, an ninh và các hoạt động kinh tế. Tiến độ chi đầu tư phát triển còn thấp do một số nhiệm vụ, dự án thực hiện và giải ngân theo tiến độ trong năm.

Việc thực hiện chi ngân sách cơ bản bảo đảm đúng dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi nguồn lực được giao; đồng thời thực hiện tiết kiệm, hạn chế các khoản chi chưa thực sự cần thiết.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG SƠN**

Biểu số 113/CK-NSNN

PHỤ LỤC: 02

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	298.148.750.000	146.234.038.385	49,05
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.000.000.000	1.260.519.691	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	75.968.750.000	21.226.610.839	
3	Thu bổ sung	221.180.000.000	98.000.000.000	44,31
-	Bổ sung cân đối	172.321.000.000	77.000.000.000	44,68
-	Bổ sung có mục tiêu	48.859.000.000	21.000.000.000	42,98
4	Thu chuyển nguồn		25.746.907.855	
	TỔNG SỐ CHI	298.149.000.000	113.147.149.290	37,95
1	Chi đầu tư phát triển	61.200.000.000	8.313.681.000	13,00
2	Chi thường xuyên theo lĩnh	232.614.000.000	104.833.468.290	45,61
3	Dự phòng	4.335.000.000		0

PHỤ LỤC 03
ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị : Đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	311.710.000.000	298.148.750.000	169.665.790.044	146.234.038.385	54,43	49,05
I	Các khoản thu hưởng 100%	1.000.000.000	1.000.000.000	1.387.254.407	881.183.186	162,89	162,52
	Các loại phí, lệ phí	400.000.000	400.000.000	284.307.000	68.017.500	71.08	17
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100.000.000	100.000.000	554.000	554.000	0.55	0.55
	Thu tiền phạt			287.928.567			
	Thu khác còn lại	500.000.000	500.000.000	814.464.840	812.611.686	162,89	162,52
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %	89.530.000.000	75.968.750.000	44.531.627.782	21.605.947.344	49,74	28,44
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			105.298.309	52.649.156		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15.000.000.000	7.500.000.000	8.212.487.519	4.106.243.875	54.75	54.75
	Thuế thu nhập cá nhân	5.000.000.000	2.500.000.000	4.067.947.758		81.36	0
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	9.000.000.000	4.500.000.000	6.979.297.764	3.489.648.908	77.55	77.55
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	75.000.000	75.000.000	26.696.790	26.696.790	35.6	35.6
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	450.000.000	191.250.000	529.551.947	225.059.598	35.6	35.6
	Thu tiền sử dụng đất	60.000.000.000	61.200.000.000	24.254.957.980	13.350.259.302	40.42	21.81

ST T	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	5.000.000	2.500.000			0	0
	Thu hồi các khoản chi năm trước			312.885.715	312.885.715		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			42.504.000	42.504.000		
D	Thu chuyển nguồn			25.746.907.855	25.746.907.855		
E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	221.180.000.000	221.180.000.000	98.000.000.000	98.000.000.000	44.31	44.31
1	Bổ sung cân đối	172.321.000.000	172.321.000.000	77.000.000.000	77.000.000.000	44.68	44.68
2	Bổ sung có mục tiêu	48.859.000.000	48.859.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	42.98	42.98

PHỤ LỤC 04
ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	298.149.000.000	61.200.000.000	232.614.000.000	113.147.149.290	8.313.681.000	104.833.468.290	38.51	13.58	45.07
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi giáo dục	114.865.000.000	7.546.000.000	107.319.000.000	47.821.246.369		47.821.246.369	41.63	0	44.56
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	150.000.000		150.000.000	30.735.000		30.735.000	20.49		20.49
3	Chi y tế				3.929.968.910		3.929.968.910			
4	Chi văn hóa, thông tin	2.195.000.000	1.500.000.000	695.000.000	376.877.000		376.877.000	17.17	0	54.23
5	Chi phát thanh, truyền thanh	120.000.000		120.000.000	57.450.000		57.450.000	47.88		47.88
6	Chi thể dục thể thao				79.979.280		79.979.280			
7	Chi bảo vệ môi trường	5.597.000.000	3.097.000.000	2.500.000.000	28.900.000		28.900.000	0.52	0	1.16
8	Chi các hoạt động kinh tế	68.293.000.000	38.377.000.000	29.916.000.000	9.873.312.225	8.187.534.000	1.685.778.225	14.46	21.33	5.64
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	43.281.000.000	9.180.000.000	34.101.000.000	18.347.745.286	126.147.000	18.221.598.286	42.39	1.37	53.43
10	Chi cho công tác xã hội	54.609.000.000		54.609.000.000	29.900.135.020		29.900.135.020	54.75		54.75
11	Chi quốc phòng	2.764.000.000		2.764.000.000	2.432.200.200		2.432.200.200	88		88
12	Chi an ninh	1.940.000.000	1.500.000.000	440.000.000	268.600.000		268.600.000	13.85	0	61.05
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác									
C	Dự phòng ngân sách	4.335.000.000								